TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2019/DS-ST
Ngày: 05-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trà My.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Dũng;

2. Ông Nguyễn Đắc Liệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 51/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2019 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2019/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 9 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2019/QĐ-DS ngày 16 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1982; (vắng mặt).

Nơi cư trú: 152/17/4A đường B, phường X, thành phố V, tỉnh BR – VT.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1982; nơi cư trú:137/15A đường H, phường Y, thành phố V, tỉnh BR – VT (theo văn bản ủy quyền ngày 13-12-2018); (có mặt).

Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn A; (vắng mặt).

Địa chỉ trụ sở chính (cũ): 89 đường P, phường Z, thành phố V, tỉnh BR – VT.

Địa chỉ trụ sở chính (mới): 32 đường L, phường K, thành phố V, tỉnh BR – VT.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Bà Đỗ Thị Ngọc T - chức vụ: Giám đốc; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Q (sau đây gọi tắt là ông Q) và người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn trình bày:

Ngày 13-01-2017, ông Q có ký kết với công ty trách nhiệm hữu hạn A (sau đây gọi tắt là công ty A) hợp đồng vay tiền với nội dung: Bên cho vay (bên B) là ông Q cho bên vay (bên A) là công ty TNHH A vay số tiền 2.000.000.000đồng, thời hạn vay là 05 tháng, hợp đồng không ghi cụ thể mức lãi suất nhưng hai bên tự thỏa thuận với nhau là 6%/tháng. Ngay sau khi ký hợp đồng ông Q đã giao đủ 2.000.000.000đồng tiền mặt cho ông Nguyễn Văn VT là đại diện pháp luật của công ty A. Tuy nhiên, từ khi ký hợp đồng đến nay công ty A chưa thanh toán cho ông Q tiền gốc và lãi như đã giao kết. Ông Q đã nhiều lần liên hệ công ty A để yêu cầu thanh toán nợ gốc và lãi nhưng công ty A không thực hiện. Nay, ông Q yêu cầu Tòa án buộc công ty A trả cho số tiền vay 2.000.000.000đồng và tiền lãi tính từ 13- 02-2017 cho đến khi hoàn tất khoản nợ theo mức lãi suất là 10%/năm, tương đương 0,833%/tháng, tương đương 10%: 365/ngày.

Ngày 09-5-2019, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giám định chữ ký ông Nguyễn Văn VT, mẫu dấu của Công ty A trong Hợp đồng vay tiền ngày 13-01-2017 và yêu cầu thu thập mẫu dấu Công ty A, chữ ký ông Nguyễn Văn VT. Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí tố tụng đối với việc yêu cầu giám định.

Bị đơn công ty A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu như trình bày trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và đương sự tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền và tiến hành các thủ tục tống đạt đối với bị đơn Công ty A theo đúng quy định nhưng Công ty A vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt công ty A là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận T bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1].Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Hữu Q khởi kiện yêu cầu công ty A trả tiền nợ vay và tiền lãi. Xét đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn công ty A có trụ sở chính tại thành phố Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn công ty A đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt công ty A.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu trả tiền nợ vay của nguyên đơn, thấy rằng:

[2.1.1]. Theo phiếu cung cấp thông tin của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 02-4-2019 thì bị đơn Công ty A được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp: 3500388604, đăng ký lần đầu ngày 15-3-2000, tên doanh nghiệp là doanh nghiệp tư nhân A; đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 04-7-2016, được chuyển đổi từ doanh nghiệp tư nhân A thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn A, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 24-5-2017. Đăng ký thay đổi lần 5, 6 của Công ty A có người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Nguyễn Văn VT; Công ty A đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 16-7-2018 với người đại diện theo pháp luật là bà Đỗ Thị Ngọc T và hiện nay chưa giải thể.

[2.1.2]. Căn cứ đơn yêu cầu giám định chữ ký ông Nguyễn Văn VT, mẫu dấu của Công ty A trong Hợp đồng vay tiền ngày 13-01-2017 và yêu cầu thu thập mẫu dấu Công ty A, chữ ký ông Nguyễn Văn VT của nguyên đơn, Tòa án đã ra quyết định trưng cầu giám định số 19/2019/QĐ-TCGĐ ngày 12-8-2019 đối với Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thực hiện giám định, nội dung: Giám định chữ ký ông Nguyễn Văn VT và mẫu dấu của công ty A tại phần Đại diện bên A trong hợp đồng vay tiền ghi ngày 13-01-2017 và tiến hành thu thập mẫu dấu của công ty A, chữ ký của ông Nguyễn Văn VT từ Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 92/2014/TLST-KDTM ngày 24/11/2014; hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 344/2018/TLST-DS ngày 26/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố V để làm mẫu so sánh giám định chữ ký, mẫu dấu. Tại kết luận giám định số 1740/PC09-DD ngày 17-9-2019 kết luận: Chữ ký mang tên Nguyễn Văn VT trên tài liệu giám định và tài liệu so sánh do cùng một người ký ra; Hình dấu tròn có nội dung "Công ty TNHH A" trên tài liệu cần giám định với tài liệu so sánh do cùng một con dấu đóng ra.

Từ [2.1.1] và [2.1.2] cho thấy, ông Nguyễn Hữu Q và công ty A ký kết Hợp đồng vay tiền ngày 13-01-2017 là có thật. Chủ thể ký kết hợp đồng, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng đã ký kết. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 137, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc công ty A có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vay

2.000.000.000đồng.

[2.2]. Xét yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn, thấy rằng:

Mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là 10%/năm, tương đương 0,833%/tháng và tương đương 10%: 365/ngày. Lãi suất được tính từ 13-02-2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (05-11-2019) đối với số tiền vay 2.000.000.0000đồng cụ thể là:

(2.000.000.000đồng x 33 tháng x 0,833%) + (2.000.000.000đồng x 23 x 10%: 365/ngày) = 562.382.740đồng.

Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn. Xét sự thừa nhận của nguyên đơn về việc từ khi vay tiền bị đơn chưa thực hiện việc trả lãi đối với số tiền vay 2.000.000.000đồng thì yêu cầu trả tiền lãi theo mức lãi và thời gian trả tiền lãi của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty A có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Hữu Q số tiền 2.562.382.740đồng nên phải chịu 83.247.655đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông Q số tiền 38.880.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 137, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Q.

2. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn A có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Hữu Q số tiền 2.562.382.740đồng (*hai tỉ năm trăm sáu mươi hai triệu ba trăm tám mươi hai ngàn bảy trăm bốn mươi đồng*), gồm: nợ gốc 2.000.000.000đồng (hai tỉ đồng) và nợ lãi 562.382.740đồng (*năm trăm sáu mươi hai triệu ba trăm tám mươi hai ngàn bảy trăm bốn mươi đồng*) tính đến ngày xét xử sơ thẩm (05-11-2019).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Chi phí giám định chữ ký và mẫu dấu nguyên đơn tự nguyện chịu và đã nộp xong.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty trách nhiệm hữu hạn A phải chịu 83.247.655đồng *(tám mươi ba triệu hai trăm bốn mươi bảy ngàn sáu trăm năm mươi năm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Hữu Q không phải chịu án phí sơ thẩm; hoàn trả cho ông Q số tiền 38.880.000đồng *(ba mươi tám triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2017/0007575 ngày 01-3-2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V.

5. Về quyền kháng cáo: Nếu không đồng ý với bản án này, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Văn phòng TAND TP. Vũng Tàu;
- Lưu: Tòa DS; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Trà My